



ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 4 trang)

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề thi: 075

A. TỜ TRÊN PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Phần I (3 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Đối với mỗi câu, thí sinh chỉ chọn một phương án.

I.1. Đọc văn bản 1 và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5.

VĂN BẢN 1

Vẻ đẹp trong khoa học là gì? Trước hết đó chính là vẻ đẹp vật chất của thế giới, nó đập ngay vào mắt chúng ta và làm chúng ta choáng ngợp. Như Mặt Trời không phải chỉ là nguồn sống, là ánh sáng và năng lượng; nó còn là nguồn của sự lộng lẫy và kinh ngạc. Khi đùa giỡn với bụi nước, với các phân tử khí và các tinh thể băng, khi phản xạ trên bề mặt các hạt bụi, cây cối, núi non, khi soi mình trên mặt nước đại dương và ao hồ, hay khi luồn lách giữa các đám mây, trong sương mù, Mặt Trời của chúng ta đã tạo ra những khung cảnh thiên nhiên tuyệt vời, làm dịu trái tim và an ủi tâm hồn. Một vẻ đẹp thường xuyên an ủi và đôi khi thậm chí còn cứu rỗi chúng ta.

Thế giới không “bắt buộc” phải đẹp, nhưng nó thực sự là như thế. Chúng ta sống trong một thế giới đầy những kì quan quang học, và bầu trời là một bức tranh hoành tráng nơi màu sắc và ánh sáng tác động và phô diễn một cách bất ngờ nhất. Bạn không thể không ấn tượng với cầu vồng - cái vòng cung đa sắc không lồ xuất hiện giữa những giọt nước mưa ở cuối một trận mưa đông, sự hài hoà về sắc màu và sự hoàn hảo của các cung tròn đã tạo nên cây cầu nối giữa hai bờ thơ ca và khoa học, khiến người ta phải khâm phục và sùng kính. Rồi cảnh hoàng hôn, một lễ hội của sắc vàng, cam và đỏ chiếu rọi bầu trời ngay trước khi vầng dương biến mất dưới chân trời. Khi chúng ta buồn, đôi khi chỉ cần nhìn bầu trời xanh, đầy nắng không một gợn mây cũng đủ để vui bởi nỗi muộn phiền. Những cảnh cực quang, khi ánh sáng bị khúc xạ với những sắc màu, hình dạng và chuyển động biến hoá dường như vô tận, mà chúng ta chỉ quan sát thấy ở những vùng vĩ độ cao, quả là một cảnh tượng thần kì khiến ta phải nghẹt thở. Chúng ta sống trong một thế giới cực kì phong phú và đa dạng, với một thiên nhiên không ngừng tự do sáng tạo và đổi mới. Trong các chuyến đi thường xuyên tới các dải thiên văn ở khắp nơi trên thế giới, tôi luôn kinh ngạc trước những rừng xương rồng trong môi trường khô cằn hoang dã và uy nghi của sa mạc Arizona, nơi có dải thiên văn Kitt Peak, hay sự hùng vĩ của dãy Andes ở Chile nơi đặt dải thiên văn Nam Âu. Do không thể cạn kiệt, sự tráng lệ của tự nhiên không bao giờ làm tôi hổ hững.

(Trích *Vũ trụ và hoa sen*, Trịnh Xuân Thuận, NXB Tri Thức, 2018, tr. 147-149)

Câu 1. Theo tác giả, vì sao vẻ đẹp của thiên nhiên có thể cứu rỗi con người?

- A. Truyền cảm hứng và sinh lực mạnh mẽ.
- B. Giúp con người hiểu cơ chế vận hành vũ trụ.
- C. Thôi thúc khát vọng chinh phục bầu trời.
- D. Khiến con người ngạc nhiên, vui bởi tiêu cực.

Câu 2. Để làm sáng tỏ nhận định “thế giới đầy những kì quan quang học”, tác giả dùng những bằng chứng nào sau đây?

- A. Vẻ đẹp của bụi nước và những phân tử khí.
- B. Vẻ đẹp của mặt nước đại dương và ao hồ.
- C. Vẻ đẹp của các đám mây và sương mù.
- D. Vẻ đẹp của màu sắc, ánh sáng trên bầu trời.

Câu 3. Phương án nào sau đây nêu đúng về giọng điệu nghị luận trong đoạn văn thứ hai?

- A. Sôi nổi, nhiệt huyết.
- B. Suy tư, hoài niệm.
- C. Hào hứng, say mê.
- D. Chiêm nghiệm, triết lí.

Câu 4. Yếu tố miêu tả được sử dụng trong văn bản trên nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Làm sáng tỏ vẻ đẹp phong phú của thế giới tự nhiên.
- B. Chứng minh quan hệ hài hoà giữa con người và tự nhiên.
- C. Nhấn mạnh nét độc đáo của cái đẹp trong khoa học.
- D. Ca ngợi thành tựu nghiên cứu to lớn của ngành Vật lí học.

Câu 5. Nhận định nào sau đây phù hợp với quan điểm của tác giả về cái đẹp trong khoa học?

- A. Cái đẹp ẩn chứa trong vẻ trắng lệt, huyền bí của những kì quan quang học.
- B. Cái đẹp là sự hoà quyện giữa vẻ đẹp vật chất và cảm xúc tinh thần.
- C. Cái đẹp được tìm thấy khi con người chinh phục tự nhiên, làm chủ thế giới.
- D. Cái đẹp nằm ở sự khiêm tốn của con người trước vũ trụ vô hạn.

I.2. Đọc văn bản 2 và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10.

VĂN BẢN 2

Các ngôn ngữ kí hiệu của người khiếm thính được dùng để thể hiện cùng những suy nghĩ phức tạp như những người không bị khiếm thính muốn thể hiện thông qua việc nói và viết. Các ngôn ngữ kí hiệu của người khiếm thính có vài nghìn kí hiệu có thể sử dụng theo một chuỗi, thực hiện vai trò của các câu trong ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Và khi ta thấy người ra kí hiệu trên tivi thì chính là họ đang dịch những lời họ nghe được thành ngôn ngữ kí hiệu - và họ làm việc đó cực nhanh.

Có hai điều rất quan trọng cần phải nhớ về ngôn ngữ kí hiệu của người khiếm thính. Thứ nhất, người khiếm thính không chỉ lấy từ ngữ trong ngôn ngữ nói và dịch chúng thành các kí hiệu. [...] Các kí hiệu cũng không cần phải xuất hiện theo trình tự nhất định như vậy. Đôi khi chúng bám theo trình tự từ trong câu tiếng Anh, nhưng đôi khi lại không. Cách ra dấu thông dụng cho câu "Bạn tên là gì?" bằng ngôn ngữ kí hiệu Anh là: "tên của bạn + gì" cùng với một biểu cảm băn khoăn trên gương mặt như nhướn lông mày. Điều thứ hai cần nhớ về ngôn ngữ kí hiệu của người khiếm thính là chúng rất khác nhau. Cũng giống như ta không thể mong chờ rằng người chỉ nói tiếng Anh lại hiểu được tiếng Trung Quốc, ta không thể mong chờ người chỉ biết ngôn ngữ kí hiệu Anh lại hiểu ngôn ngữ kí hiệu Trung Quốc. Và đáng ngạc nhiên thay, ta cũng không thể mong chờ rằng người chỉ biết ngôn ngữ kí hiệu Anh lại hiểu được ngôn ngữ kí hiệu Mĩ. Hai ngôn ngữ kí hiệu này đã phát triển theo hai hướng rất khác biệt suốt hơn 200 năm qua. Có một số kí hiệu tương đồng trong hai hệ thống nhưng điều đó không đủ để khiến người dùng ngôn ngữ này hiểu được ngôn ngữ kí hiệu của người kia.[...]

Tất cả những khái niệm quan trọng mà ta dùng đến trong việc nghiên cứu ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết cũng vẫn cần thiết khi ta nói đến ngôn ngữ kí hiệu. Ví dụ, ta sẽ thấy có các phương ngữ khác nhau. Người khiếm thính ở một vùng này sẽ có vài kí hiệu khác với người khiếm thính ở vùng khác. [...] Ví dụ, kí hiệu cho "bỏ", là gập thẳng bốn ngón tay vào lòng bàn tay, như hình vẽ bên trái hoặc khum các ngón như hình bên phải:



Tất cả những điều này đều dẫn đến một nhận định: Không bao giờ nên coi kí hiệu khiếm thính chỉ là những cử chỉ đơn giản. Ngôn ngữ kí hiệu thực sự phức tạp, hữu dụng, và đẹp như bất kì ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết nào.

(Theo David Crystal, *Câu chuyện ngôn ngữ*, Phạm Minh Điệp dịch, NXB Thế giới và Nhã Nam, 2022, tr.150-154)

Câu 6. Theo tác giả, vì sao ngôn ngữ kí hiệu diễn đạt được những suy nghĩ phức tạp như ngôn ngữ nói và viết?

- A. Được dịch trực tiếp từ lời nói một cách dễ dàng.
- B. Sử dụng chuỗi kí hiệu theo cấu trúc câu.
- C. Chỉ cần vài nghìn kí hiệu để diễn đạt đủ ý.
- D. Có phiên dịch viên hỗ trợ nhanh chóng.

Câu 7. Ví dụ về câu "Bạn tên là gì?" làm rõ đặc điểm nào sau đây của ngôn ngữ kí hiệu?

- A. Ngôn ngữ kí hiệu và ngôn ngữ nói tương đồng.
- B. Biểu cảm nét mặt quan trọng nhất khi giao tiếp.
- C. Cách sắp xếp kí hiệu thành chuỗi tùy theo mỗi người.
- D. Cấu trúc riêng biệt và không theo trật tự ngôn ngữ nói.

Câu 8: Hình minh họa kí hiệu "bó" bổ sung cho ý nào sau đây trong văn bản trên?

- A. Sự quan trọng của ngôn ngữ cử chỉ tay trong ngôn ngữ kí hiệu.
- B. Sự cần thiết phải sử dụng phương ngữ để giải mã ngôn ngữ kí hiệu.
- C. Sự đa dạng về văn hoá trong giao tiếp kí hiệu ở các quốc gia.
- D. Sự khác biệt về ngôn ngữ kí hiệu giữa các khu vực, vùng miền.

Câu 9. Nhan đề nào sau đây phù hợp với nội dung văn bản trên?

- A. Ngôn ngữ kí hiệu: Cách giao tiếp đơn giản
- B. Ngôn ngữ kí hiệu: Hệ thống độc lập và phức tạp
- C. Ngôn ngữ kí hiệu: Cách dịch từ ngôn ngữ nói
- D. Ngôn ngữ kí hiệu: Sự độc đáo của phương ngữ

Câu 10. Nhận định nào sau đây về ngôn ngữ kí hiệu phù hợp với nội dung của văn bản trên?

- A. Ngôn ngữ kí hiệu đòi hỏi phải kết hợp tự nhiên nét mặt và cử chỉ trong giao tiếp.
- B. Ngôn ngữ kí hiệu trực quan, sinh động, truyền đạt hiệu quả các ý tưởng cơ bản.
- C. Ngôn ngữ kí hiệu thích ứng theo địa phương, sáng tạo, giàu khả năng biểu đạt.
- D. Ngôn ngữ kí hiệu là hệ thống chung toàn cầu với nhiều khác biệt văn hoá nội tại.

B. VIẾT TRÊN TỜ GIẤY THI

Phần II (2 điểm). *Viết đoạn văn nghị luận xã hội.*

Câu 1. Trong một bài phỏng vấn đăng trên trang thông tin điện tử tổng hợp Soha (<https://soha.vn>) ngày 9/12/2015, Tiến sĩ Toán học Lê Bá Khánh Trình đã chia sẻ: "... cả cuộc đời, tôi đã, đang và sẽ cố gắng đánh giá đúng về bản thân mình. Tôi nghĩ, phải biết mình là ai thì ta mới có một thái độ đúng đắn với mình, với người khác và với cuộc sống được".

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về quan điểm sống "cố gắng đánh giá đúng về bản thân mình", "phải biết mình là ai".

Phần III (5 điểm). *Viết bài nghị luận văn học.*

Câu 2. Hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích đoạn thơ sau:

*Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi
Chưa xôm mạp đã bắt đầu ngọn gió
Thổi không yên suốt dọc dài lịch sử
Qua đất đai và đời sống con người.*

*Gió gieo tung những hạt giống trên tay
Giọt nước mắt mau khô, tiếng gọi dò vọng mãi
Vàng trăn với bể khơi chung gió ấy
Ở nơi đâu cũng tôi được chân trời.*

*[...] Đã có lần tôi muốn nguôi yên
Khép cánh cửa lòng mình cho gió lặng
Nhưng vô ích làm sao quên được
Những yêu thương khao khát của đời tôi.*

*[...] Ước chi được hoá thành ngọn gió
Để được ôm trọn vẹn nước non này
Để thổi ấm những đỉnh đèo buốt giá
Để mát rượi những mái nhà nắng lửa
Để luôn luôn được trở lại với đời...*

Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi...

(Lưu Quang Vũ¹, trích *Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi*, in trong *Tinh hoa thơ Việt*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2007, tr. 314 - 317)

HẾT

Ghi chú: *Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

¹Lưu Quang Vũ (1948 - 1988) là nhà thơ, nhà viết kịch, nhà văn tài năng, được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật năm 2000. Gặt hái thành công ở nhiều thể loại nhưng với Lưu Quang Vũ, thơ ca vẫn là niềm đam mê mãnh liệt. Thơ ông giàu cảm xúc, nhiều trần trụi, khát khao, thể hiện tâm hồn bay bổng, tài hoa. Một số tập thơ tiêu biểu của Lưu Quang Vũ: *Hương cây - Bếp lửa* (in chung, 1968), *Máy trắng của đời tôi* (1989), *Bảy ong trong đêm sáu* (1993),...

Cu



ĐÁP ÁN - THANG ĐIỂM
ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đáp án - Thang điểm gồm có 3 trang)

MÔN: NGỮ VĂN

A. TỜ TRÊN PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Phần I (3 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Đối với mỗi câu, thí sinh chỉ chọn một phương án. Mỗi câu trả lời trắc nghiệm đúng được 0,3 điểm.

Mã đề thi: 075

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	D	6	B
2	D	7	D
3	C	8	D
4	A	9	B
5	B	10	C

* Đối với **Phần I**, thí sinh trả lời câu hỏi bằng cách tô trên Phiếu trả lời trắc nghiệm; bài làm được quét bằng máy và chấm tự động bằng phần mềm.

B. VIẾT TRÊN TỜ GIẤY THI

Phần II (2 điểm). Viết đoạn văn nghị luận xã hội.

Câu 1.

Tiêu chí đánh giá			Thang điểm
Nội dung	Tổ chức đoạn văn nghị luận	Từ vựng, ngữ pháp	
Thể hiện được đầy đủ các tiêu chí, nội dung đánh giá: (1) <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Tầm quan trọng của việc hiểu, đánh giá đúng về bản thân của mỗi người. (0,25 điểm) (2) <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</i> - Giải thích “đánh giá đúng về bản thân mình” và “phải biết mình là ai”, khẳng định tính đúng đắn, tích cực của quan điểm sống này. (0,25 điểm) - Đưa ra các ý triển khai và các dẫn chứng để lập luận (1,25 điểm): + Hiểu đúng về bản thân, biết mình là ai sẽ biết ứng xử phù hợp, thể hiện được con người xã hội một cách tích cực nhất. + Hiểu đúng về bản thân, biết mình là ai sẽ giúp phát huy được những thế mạnh, khắc phục được những điểm yếu, vượt qua những giới hạn và không ngừng định vị mình ở những vị trí cao hơn, kiến tạo được nhiều hơn cho bản thân và cộng đồng.	- Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: Đoạn văn có dung lượng khoảng 200 chữ, có thể trình bày theo cấu trúc diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hay song hành. - Đảm bảo mạch lạc, liên kết giữa các câu trong đoạn: + Các câu trong đoạn tập trung vào thể hiện rõ vấn đề nghị luận.	- Từ ngữ, kiểu câu trong đoạn văn sinh động, xác đáng.	



Cat

Tiêu chí đánh giá			Thang điểm
Nội dung	Tổ chức đoạn văn nghị luận	Từ vựng, ngữ pháp	
<p>(3). <i>Khẳng định</i>: Sống “đánh giá đúng về bản thân mình”, “phải biết mình là ai” không dễ nhưng phải luôn cố gắng thực hành quan điểm sống như vậy vì đó là động lực quan trọng để phát triển và hoàn thiện bản thân. (0,25 điểm)</p> <p>(<i>Lưu ý</i>: Thí sinh có thể có trình bày và triển khai các ý khác với các tiêu chí đánh giá như trên nhưng phải thể hiện được những lập luận sâu sắc, thuyết phục; thái độ, thông điệp tích cực, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật).</p>	<p>+ Các ý triển khai (phát triển chi tiết) hài hòa (không bị mắc lỗi loãng ý hay thiếu hụt ý).</p> <p>+ Các câu trong đoạn liên kết chặt chẽ.</p>		
Xác định đúng vấn đề cần nghị luận, triển khai cơ bản hợp lí, đưa ra được những dẫn chứng nhưng chưa cập nhật, xác đáng.	Cơ bản đảm bảo được mạch lạc và liên kết trong đoạn.	Có một số lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	1,5
Xác định đúng vấn đề cần nghị luận, triển khai chung chung, dẫn chứng không thật xác đáng.	Có lỗi mạch lạc hoặc lỗi liên kết câu trong đoạn.	Có một số lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	1,0
Xác định đúng vấn đề cần nghị luận nhưng các ý triển khai sơ sài, không có dẫn chứng.	Không đảm bảo mạch lạc và liên kết trong đoạn.	Có nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,5
Không viết đoạn hoặc nội dung của đoạn văn không liên quan đến yêu cầu của đề bài.			0

Phần III (5 điểm). Viết bài nghị luận văn học.

Câu 2.

Tiêu chí đánh giá			Thang điểm
Nội dung	Tổ chức bài văn nghị luận	Từ vựng, ngữ pháp	
<p>Thể hiện đầy đủ các nội dung:</p> <p>(1) <i>Giới thiệu tác giả, khái quát về đoạn thơ</i>: Đoạn thơ bộc lộ cảm nhận về ngọn gió - tình yêu và niềm khát khao hoá thân, cống hiến của nhân vật trữ tình cho quê hương đất nước. (0,5 điểm)</p> <p>(2) <i>Phân tích tình cảm, cảm xúc, ... của nhân vật trữ tình trong đoạn trích</i>. (2,0 điểm)</p> <p>- Cảm nhận về ngọn gió - tình yêu “thổi trên đất nước tôi”:</p> <p>+ Gió là hình ảnh của thiên nhiên muôn đời - cái nôi sự sống của con người;</p> <p>+ Gió đồng hành suốt chiều dài không gian, thời gian rộng lớn của đất nước, “thổi không yên” trong những thăng trầm của lịch sử dân tộc;</p>	<p>Viết thành bài văn hoàn chỉnh, có đầy đủ mở bài- thân bài- kết bài.</p> <p>- Có thể triển khai mạch ý theo cách thức linh hoạt, miễn là phân tích, được nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ.</p>	<p>Dùng từ, viết câu chuẩn xác, diễn cảm...</p>	5,0

Cut

Tiêu chí đánh giá			Thang điểm
Nội dung	Tổ chức bài văn nghị luận	Từ vựng, ngữ pháp	
<p>+ Gió - “người gieo hạt” - gieo sự sống, xoa dịu nỗi đau, đồng vọng cùng tiếng lòng và cảm xúc của tâm hồn con người;</p> <p>+ Gió khởi lên niềm khát khao hướng đến những không gian bao la, chinh phục những chân trời cao rộng;</p> <p>+ Gió khởi lên những yêu thương, khao khát mãnh liệt của tâm hồn,...</p> <p>- Niềm khát khao được hoá thân thành ngọn gió tình yêu để được “ôm trọn vẹn nước non này”, “thổi ấm những đỉnh đèo buốt giá”, làm “mát rượi những ngôi nhà nắng lửa”, để mãi mãi hiện hữu trong cuộc đời, giữa vòng tay của quê hương đất nước.</p> <p><i>(3) Phân tích nghệ thuật thể hiện trong đoạn thơ (2,0 điểm)</i></p> <p>- Thể thơ tự do, mạch cảm xúc dào dạt, bay bổng, thể hiện niềm ước nguyện thiết tha, mãnh liệt.</p> <p>- Đoạn trích được cấu tứ từ hình ảnh “Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi”, ngọn gió – tình yêu thổi qua không gian, thời gian dài rộng của lịch sử đất nước, thổi vào tâm hồn, cảm xúc, khát vọng của con người, thổi lên ước nguyện, khát khao cống hiến và thổi mãi muôn đời trên “đất nước tôi”.</p> <p>- Ngôn từ: Phép điệp cú pháp, điệp từ, dấu chấm lửng, biện pháp tu từ nhân hoá,... tạo ra nhịp điệu, nhạc điệu, mở ra không gian lồng gió dào dạt mãi trong tâm tưởng của nhân vật trữ tình và người đọc. Ngọn gió trở thành tình yêu, tình yêu mang đôi cánh của ngọn gió, nhấn mạnh chủ đề và cảm hứng chủ đạo của tác giả...</p> <p>- Các hình ảnh gợi chiều dài lịch sử và không gian rộng lớn của đất nước, không gian của tâm hồn con người.</p> <p><i>(4) Đánh giá chung về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích. (0,5 điểm)</i></p> <p>Lưu ý: Thí sinh có thể có trình bày và triển khai các ý theo cách thức khác, nhưng cần đảm bảo đúng với giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ.</p>	<p>- Luận điểm rõ ràng, được làm rõ bằng lập luận và bằng chứng từ bài thơ, sử dụng phối hợp các thao tác lập luận phân tích, chứng minh, bình luận, so sánh,...</p>		
- Thể hiện được 2/3 nội dung (1), (2), (3)	Tổ chức thành bài văn hoàn chỉnh, triển khai thiếu ý hoặc còn sơ sài.	Dùng từ, viết câu đạt yêu cầu cơ bản	3,5
- Viết thành bài văn nhưng chưa hoàn chỉnh, chưa rõ nội dung của bài, mắc lỗi dùng từ, đặt câu.			1,5
- Không làm bài/ Nội dung viết không liên quan đến yêu cầu đề bài.			0

* Đối với **Phần II, Phần III**, thí sinh viết trên *Tờ giấy thi*; bài làm được cán bộ chấm thi theo quy định.

HẾT